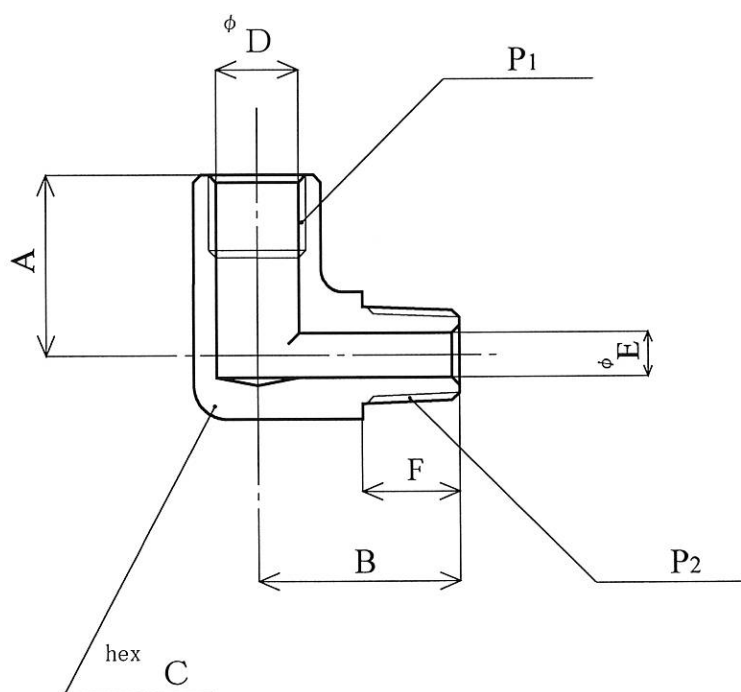
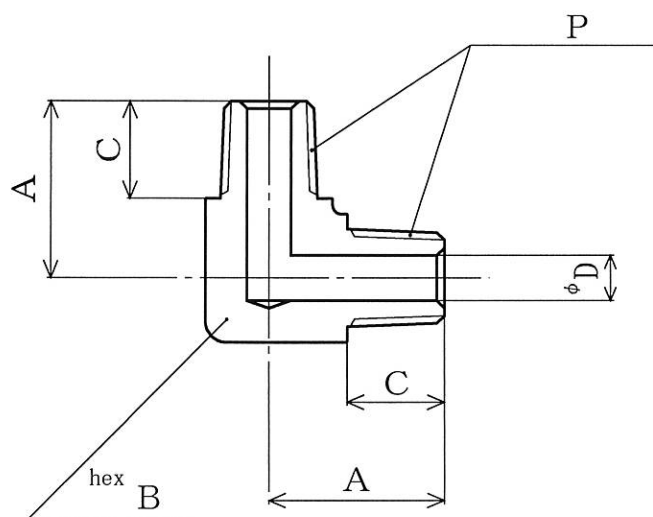


注文先		殿								
品 名		FL								
部品番号			数 量			4				
材 質		SUS 316		尺 度		N/S	3			
作 図 年 月 日			図 番			2				
主 任		係		製 図		設 計		1		
								PART NO	NAME OF PART	M A T E R I A L



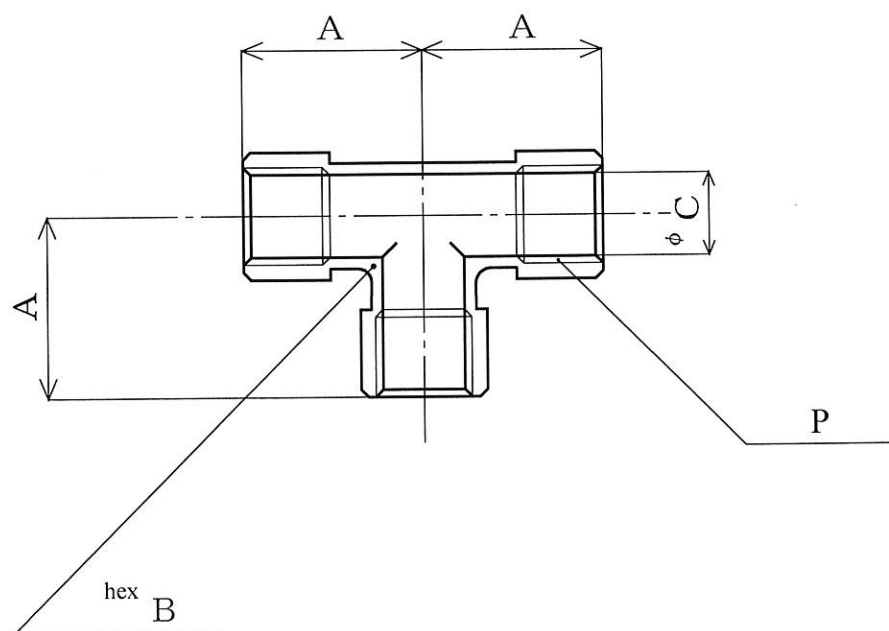
ネジサイズ P1 P2	ST L		A	B	C	D	E	F
	R Rc	NPT						
1/8	1	1N	21	22	14	8.5	5	11
1/4	2	2N	22	26	17	11.5	6	13.5
3/8	3	3N	27	32	20	15	8	17
1/2	4	4N	31	37	28	18.5	11	19
3/4	6	6N	40	45	38	23	16	21

注文先		殿						
品 名		STL						
部品番号		数 量		4				
材 質		SUS 316		尺 度	N/S			
作 図 年 月 日		図 番		2				
主任		係		製 図	設 計	1		
PART NO		NAME OF PART		MATERIAL		QNTY	REMARK	



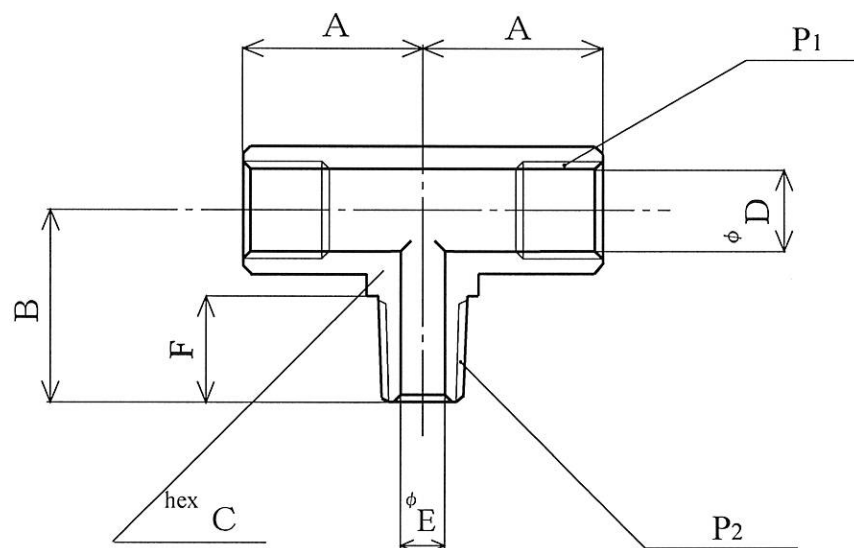
ネジサイズ P	M L		A	B	C	D
	R	NPT				
1/8	1	1N	22	14	11	5
1/4	2	2N	23.5	14	13	6
3/8	3	3N	23.5	17	13	8
1/2	4	4N	30.5	20	19	10
3/4	6	6N	37	32	18	16

注文先	殿							
品 名	ML-							
部品番号		数 量		4				
材 質	SUS 316	尺 度	N/S	3				
作 図 年 月 日		図 番		2				
主 任		係		1				
製 図		設 計		PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



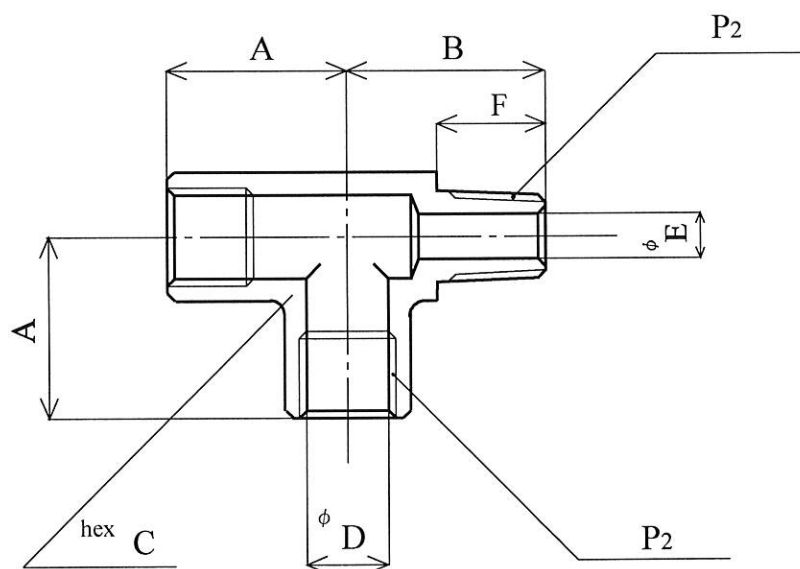
ネジサイズ P	F T		A	B	C
	R	NPT			
1/8	1	1N	22	14	8.5
1/4	2	2N	23.5	17	11.5
3/8	3	3N	27	20	15
1/2	4	4N	31	28	18.5
3/4	6	6N	40	38	23

注文先	殿							
品名	FT							
部品番号		数量		4				
材質	SUS 316	尺度	N/S	3				
作図 年月日		図番		2				
主任		係		1				
製図		設計		PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



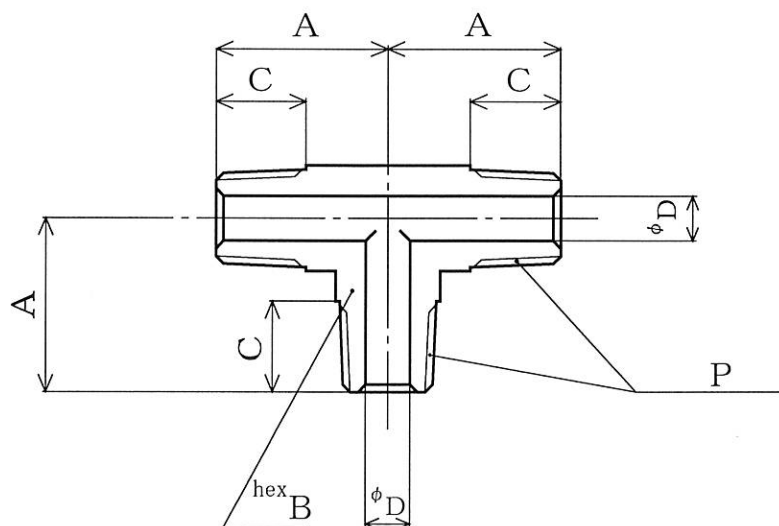
ネジサイズ P1 P2	BT T		A	B	C	D	E	F
	R	Rc						
1/8	1	1N	22	22	14	8.5	5	11
1/4	2	2N	23.5	25	17	11.5	6	13.5
3/8	3	3N	27	30	20	15	8	17
1/2	4	4N	31	37	28	18.5	11	19
3/4	6	6N	40	45	38	23	16	21

注文先	殿							
品 名	BTT							
部品番号		数 量		4				
材 質	SUS 316	尺 度	N/S	3				
作 図 年 月 日		図 番		2				
主 任		係		1				
		製 図		PART NO	NAME OF PART	M A T E R I A L	QNTY	R E M A R K



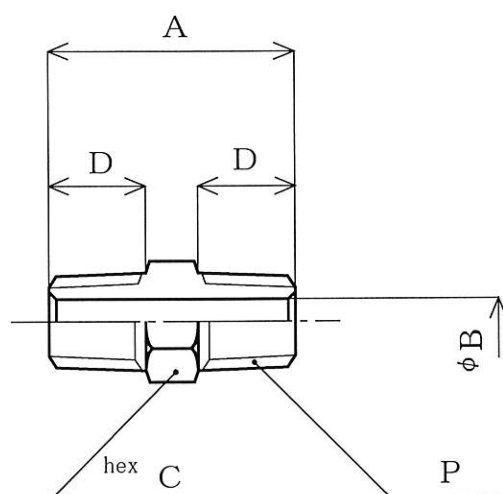
ネジサイズ P1 P2	ST T		A	B	C	D	E	F
	R	Rc NPT						
1/8	1	1N	22	22	14	8.5	5	11
1/4	2	2N	23.5	25	17	11.5	6	13.5
3/8	3	3N	27	30	20	15	8	17
1/2	4	4N	31	37	28	18.5	11	19
3/4	6	6N	40	45	38	23	16	21

注文先	殿									
品 名	STT									
部品番号			数 量			4				
材 質	SUS 316		尺 度	N/S		3				
作 図 年 月 日			図 番			2				
主任		係		製 図		設 計		1		
						PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



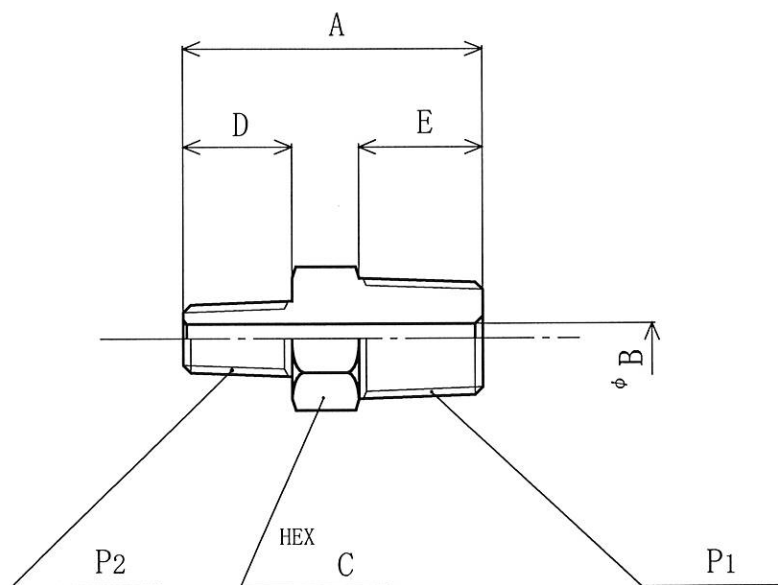
ネジサイズ P	M T		A	B	C	D
	R	NPT				
1/8	1	1N	22	14	11	5
1/4	2	2N	23	14	13	6
3/8	3	3N	25	17	13	8
1/2	4	4N	30.5	20	17	10
3/4	6	6N	36	32	17	16

注文先	殿							
品名	MT							
部品番号		数量		4				
材質	SUS 316	尺度	N/S	3				
作図 年月日		図番		2				
主任		係		1				
		製図		PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK
		設計						



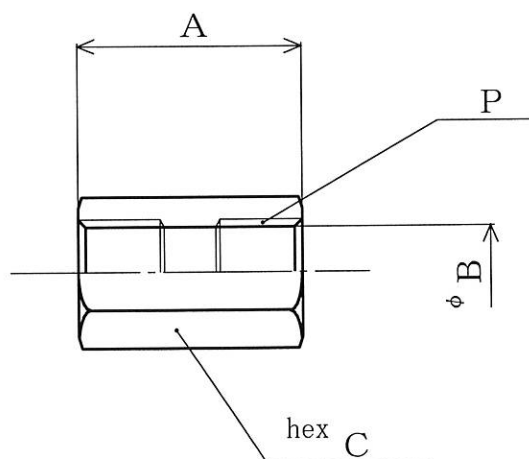
ネジサイズ		HGN					
P	R-R	R-NPT	NPT-NPT	A	B	C	D
1/8	1	1-1N	1N	29	5	12	11
1/4	2	2-2N	2N	33	6	14	13
3/8	3	3-3N	3N	35	8	17	14
1/2	4	4-4N	4N	46	10	22	19
3/4	6	6-6N	6N	52	16	27	21
1"	8	8-8N	8N	62	22	35	25

注文先		殿						
品 名		HGN						
部品番号		数 量		4				
材 質		SUS 316		3				
作 図 年 月 日		図 番		2				
主任		係		1				
製 図		設 計		PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



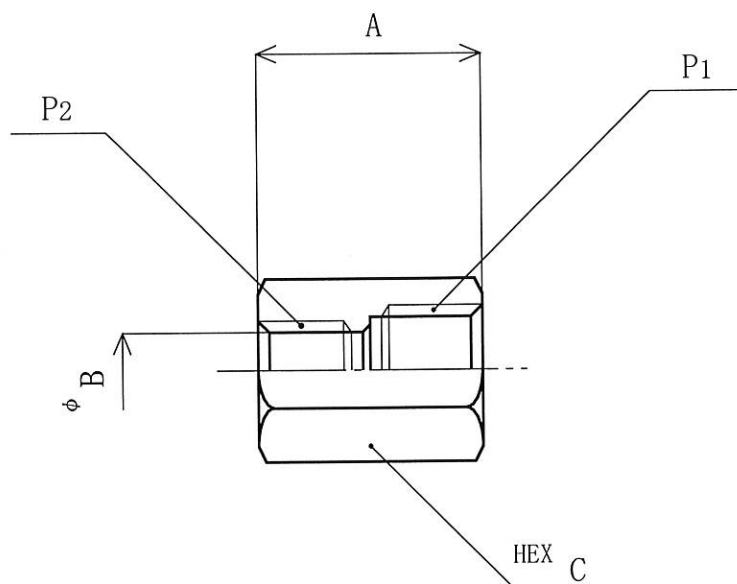
		HGN								
ネジ サイズ		R-R	R-NPT	NPT-R	NPT-NPT					
P1	P2	(P1-P2)	(P1-P2)	(P1-P2)	(P1-P2)	A	B	C	D	E
1/4	1/8	2-1	2-1N	2N-1	2N-1N	31	5	14	11	13
3/8	1/8	3-1	3-1N	3N-1	3N-1N	32	5	17	11	14
3/8	1/4	3-2	3-2N	3N-2	3N-2N	34	6	17	13	14
1/2	1/4	4-2	4-2N	4N-2	4N-2N	40	6	22	13	19
1/2	3/8	4-3	4-3N	4N-3	4N-3N	41	8	22	14	19
3/4	3/8	6-3	6-3N	6N-3	6N-3N	45	8	27	14	21
3/4	1/2	6-4	6-4N	6N-4	6N-4N	50	10	27	19	21
1"	3/4	8-6	8-6N	8N-6	8N-6N	58	16	35	21	25

注文先	殿									
品名	HGN									
部品番号			数量			4				
材質	SUS 316		尺度	N/S		3				
作図 年月日			図番			2				
主任			係			1				
製図			設計			PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



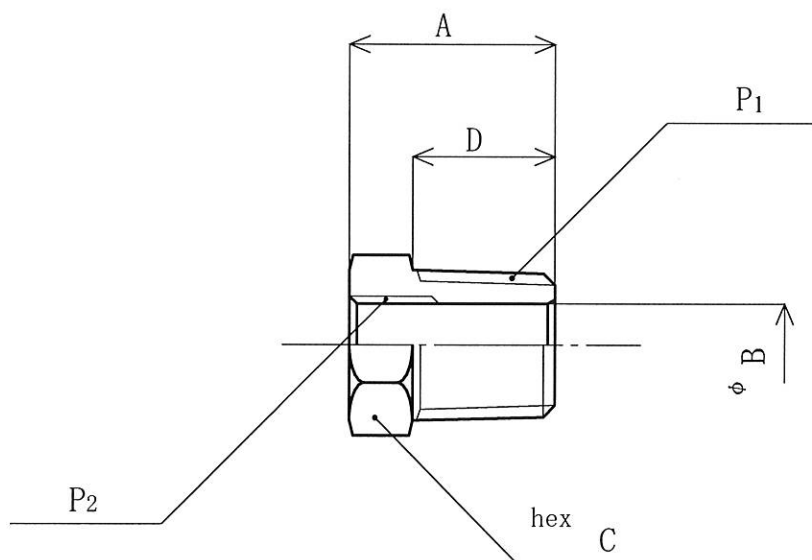
ネジサイズ		HGC				
P	Rc-Rc	Rc-NPT	NPT-NPT	A	B	C
1/8	1	1-1N	1N	24	8.5	14
1/4	2	2-2N	2N	30	11.5	17
3/8	3	3-3N	3N	32	15	22
1/2	4	4-4N	4N	38	18	26
3/4	6	6-6N	6N	42	23	32
1"	8	8-8N	8N	50	30	41

注文先	殿							
品 名	HGC							
部品番号		数 量		4				
材 質	SUS 316	尺 度	N/S	3				
作 図 年 月 日		図 番		2				
主任		係		1				
製 図		設 計		PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



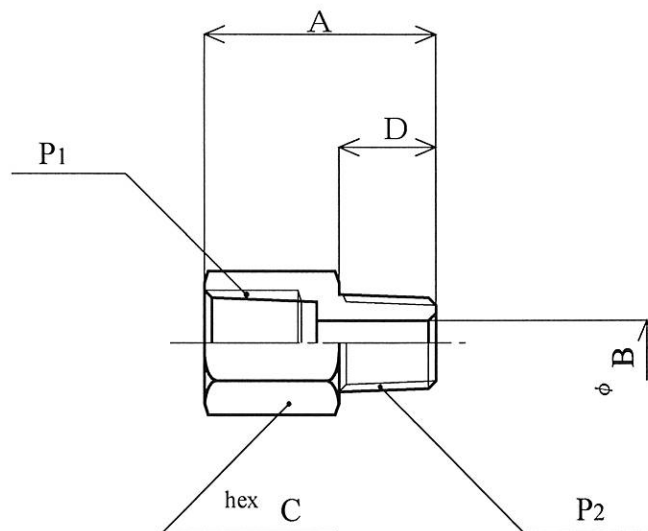
ネジ サイズ		HGC						
P1	P2	Rc-PT (P1-P2)	Rc-NPT (P1-P2)	NPT-Rc (P1-P2)	NPT-NPT (P1-P2)	A	B	C
1/4	1/8	2-1	2-1N	2N-1	2N-1N	27	8.5	17
3/8	1/8	3-1	3-1N	3N-1	3N-1N	28	8.5	22
3/8	1/4	3-2	3-2N	3N-2	3N-2N	31	11.5	22
1/2	1/4	4-2	4-2N	4N-2	4N-2N	34	11.5	26
1/2	3/8	4-3	4-3N	4N-3	4N-3N	35	15	26
3/4	3/8	6-3	6-3N	6N-3	6N-3N	37	15	32
3/4	1/2	6-4	6-4N	6N-4	6N-4N	40	18	32
1"	3/4	8-6	8-6N	8N-6	8N-6N	46	23	41

注文先	殿								
品 名	HGC								
部品番号		数 量			4				
材 質	SUS 316	尺 度	N/S		3				
作 図 年 月 日		図 番			2				
主任		係		製 図	1				
				設 計	PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



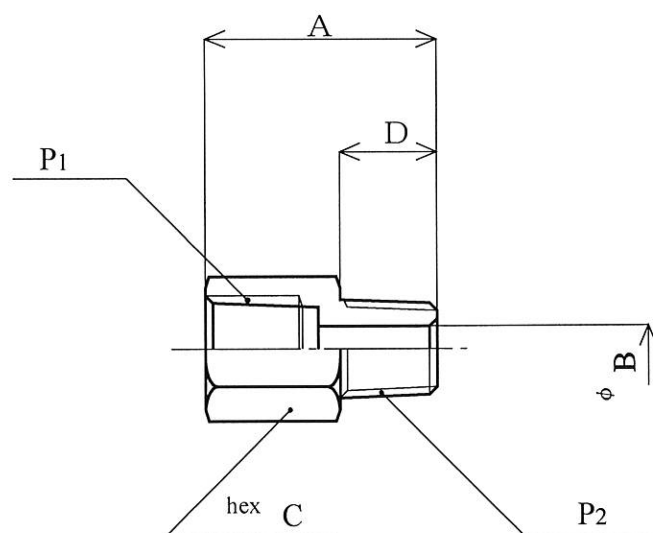
ネジ	サイズ	B				A	B	C	D
		R-Rc	R-NPT	NPT-Rc	NPT-NPT				
P1	P2	(P1-P2)	(P1-P2)	(P1-P2)	(P1-P2)				
1/4	1/8	2-1	2-1N	2N-1	2N-1N	20	8.5	14	13
3/8	1/8	3-1	3-1N	3N-1	3N-1N	21	8.5	17	14
3/8	1/4	3-2	3-2N	3N-2	3N-2N	21	11.8	17	14
1/2	1/4	4-2	4-2N	4N-2	4N-2N	27	11.8	22	19
1/2	3/8	4-3	4-3N	4N-3	4N-3N	27	15	22	19
3/4	3/8	6-3	6-3N	6N-3	6N-3N	31	15	27	21
3/4	1/2	6-4	6-4N	6N-4	6N-4N	31	18.5	27	21
1"	3/4	8-6	8-6N	8N-6	8N-6N	37	22	35	25

注文先	殿								
品名	B								
部品番号			数量			4			
材質	SUS 316		尺度	N/S		3			
作図 年月日			図番			2			
主任		係		製図		設計			
						PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY
						REMARK			



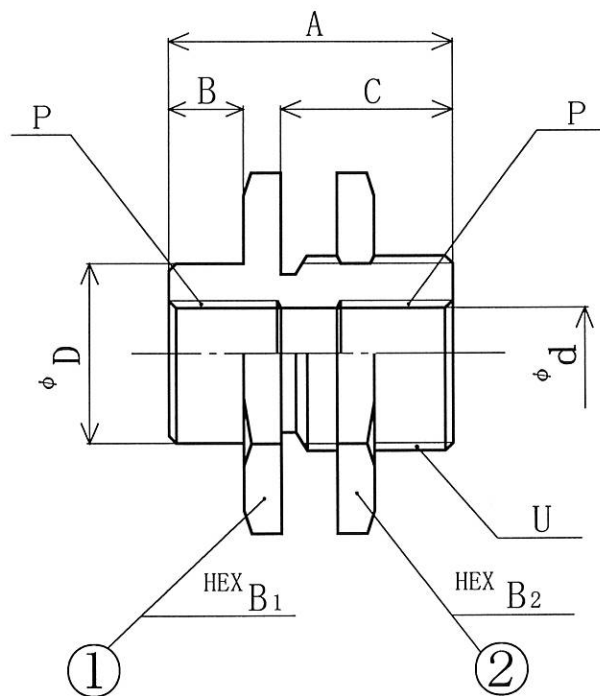
ネジサイズ P	AD				A	B	C
	Rc-R (P1-P2)	Rc-NPT (P1-P2)	NPT-R (P1-P2)	NPT-NPT (P1-P2)			
1/8	1	1-1N	1N-1	1N	28	5	14
1/4	2	2-2N	2N-2	2N	31	6	17
3/8	3	3-3N	3N-3	3N	34	8	22
1/2	4	4-4N	4N-4	4N	41	10	26
3/4	6	6-6N	6N-6	6N	46	16	32
1"	8	8-8N	8N-8	8N	60	22	41

注文先	殿							
品 名	AD							
部品番号		数 量		4				
材 質	SUS 316	尺 度	N/S	3				
作 図 年 月 日		図 番		2				
主 任		係		1				
製 図		設 計		PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



ネジ サイズ		AD							
P1	P2	Rc-PT (P1-P2)	Rc-NPT (P1-P2)	NPT-R (P1-P2)	NPT-NPT (P1-P2)	A	B	C	D
1/4	1/8	2-1	2-1N	2N-1	2N-1N	29	5	14	11
3/8	1/8	3-1	3-1N	3N-1	3N-1N	31	5	22	11
3/8	1/4	3-2	3-2N	3N-2	3N-2N	33	6	22	13
1/2	1/4	4-2	4-2N	4N-2	4N-2N	35	6	26	13
1/2	3/8	4-3	4-3N	4N-3	4N-3N	36	8	26	14
3/4	3/8	6-3	6-3N	6N-3	6N-3N	39	8	32	14
3/4	1/2	6-4	6-4N	6N-4	6N-4N	44	10	32	19
1"	3/4	8-6	8-6N	8N-6	8N-6N	56	16	41	21

注文先		殿							
品 名		AD							
部品番号		数 量			4				
材 質		SUS 316	尺 度	N/S	3				
作 図 年 月 日		図 番			2				
主任	係	製 図	設 計		1				
					PART NO	NAME OF PART	MATERIAL	QNTY	REMARK



T Y P E	A	B	C	D	d	B ₁	B ₂	P	U
PU-2	37	10	22	20	11.3	27	27	RC1/4	UNF3/4"-20
PU-3	37	10	22	24	14.9	35	35	RC3/8	UNF1"-20
PU-4	37	10	22	27	17.8	41	41	RC1/2	UNF1"1/16-20

注文先	殿								
品 名	PU				5				
部品番号		数 量			4				
材 質	SUS 316	尺 度	N/S		3				
作 図 年 月 日		図 番			2	PANEL NUT	SUS 316	1	
主 任		係		製 図	1	B O D Y	SUS 316	1	
				設 計	PART NO	NAME OF PART	M A T E R I A L	QNTY	R E M A R K